TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**ĐƯỜNG Z XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 538/2023/LĐ-PT
Ngày: 05/5/2023
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Giang
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa
Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương là Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 08/2023/TLPT-LĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về: "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần".

Do bản án lao động sơ thẩm B/2022/LĐ-ST, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân quận V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 533/2023/QĐ-PT, ngày 24/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3045/2023/QĐ-PT, ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3765/2023/QĐ-PT, ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A.** Sinh năm 1992.

Địa chỉ: CT1-1118 Chung cư S, phường H, Quận O (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C. Sinh năm 1972.
Địa chỉ: 416/13B đường Q, phường 05, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 2531.GUQ, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/9/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Sơn). (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH TT.

Địa chỉ trụ sở chính: 10/21 Đường B, phường 05, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Th. Sinh năm 1975.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 12 Đường Z, phường 04, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lăng Thanh Kim D. Sinh năm 1988.

Địa chỉ: 575B Đường X, phường P, Thành phố Thủ Đức (Quận O cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số: UQ/HCNS/01-2023, ngày 17/3/2023 lập tại Công ty TNHH TT). (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Nguyễn Thu Đ. Sinh năm 1977.

Địa chỉ: 72-74, Lốc A1, đường Nguyễn Cơ T, phường G, Quận I (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3.2 Bà Bùi Thị Ngọc T1. Sinh năm 1995.

Địa chỉ: 40 Đường B1, phường B1, Quận I (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn C trình bày:

Ngày 27/11/2019, bà Nguyễn Thị A và ông Phan Văn Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TT (gọi tắt là Công ty hoặc Công ty TT) có tranh luận vì không cùng quan điểm. Do đó, Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A bằng hình thức ông Th nói miệng với bà A và Công ty có gửi mail thông báo cho toàn thể người lao động biết nhưng không có gửi mail cho bà A, nội dung mail là ông Th cho bà A chính thức nghỉ việc từ ngày 28/11/2019. Theo bà A, mail này do bà Bùi Thị Ngọc T1 (nhân viên hành chính nhân sự) gửi theo sự chỉ đạo của ông Th.

Trong cùng ngày 27/11/2019, ông Th yêu cầu bà A phải bàn giao công việc, công cụ làm việc cho bà T1, hai bên có ký biên bản bàn giao nhưng bản chính do Công ty giữ.

Theo thông báo trên mail của Công ty gửi cho toàn thể công ty (mặc dù trong đó không có gửi cho bà A) Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà A nên bà A chính thức không đến Công ty làm việc từ ngày 28/11/2019.

Ngày 28/11/2019, Công ty đăng tin tuyển dụng người khác vào thế chức vụ của bà A, chứng minh Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A.

Bà Ngọc T1 có điện thoại báo cho bà A biết là Công ty đã cắt giảm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của bà A.

Ngày 16/12/2019, bà A gửi mail cho Ban giám đốc công ty và phòng nhân sự, nhưng không thấy phía Công ty phản hồi.

Ngày 19/12/2019, bà Lăng Thanh Kim D đại diện cho Công ty điện thoại để thỏa thuận với bà A nhưng không đạt được thỏa thuận.

Ngày 23/12/2019, bà A nhận được điện thoại và mail của phía Công ty yêu cầu bà đến Công ty để thỏa thuận vào ngày 27/12/2019.

Ngày 27/12/2019, bà A đến Công ty và bà D là người đại diện công ty, hai bên trao đổi không thống nhất được phương án thỏa thuận nên bà A tiếp tục vẫn không đến Công ty để làm việc.

Ngày 31/12/2019, bà D có gửi mail cho bà A, ngày 02/01/2020, bà A có phản hồi mail lại cho bà D.

Công ty lập biên bản xử lý kỷ luật lần 1, 2, 3 bà A đã nhận được từ mail và cả bằng đường bưu điện.

Ngày 28/02/2020, bà A có gọi điện thoại cho bà D yêu cầu phía Công ty chốt sổ bảo hiểm và giao quyết định nghỉ việc nhưng vẫn không thấy.

Ngày 02/3/2020, bà A gửi đơn khiếu nại đến Công ty bằng mail và bằng đường bưu điện. Ông Th có phản hồi bằng mail, không có phản hồi bằng văn bản.

Ngày 08/4/2020, bà A khởi kiện ra Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu:

1. Công ty thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc (bà A đã nhận đủ lương đến ngày 27/11/2019) từ ngày 28/11/2019 đến ngày 31/7/2020 là 08 tháng 03 ngày. Bà A xác nhận từ ngày 08/6/2020 bà A đã đi làm cho Công ty khác nhưng trong giai đoạn thử việc, không có đóng bảo hiểm xã hội. Công ty mới chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà A.

2. Công ty đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho bà A trong 04 tháng (tháng 4 đến tháng 7 năm 2020) theo mức lương 17 triệu/tháng, theo quy định pháp luật, nếu Công ty đã làm thủ tục đầy đủ về việc cho nhân viên khối văn phòng nghỉ không lương từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020, nguyên đơn không yêu cầu Công ty đóng các khoản bảo hiểm xã hội tháng 4, 5, 6 năm 2020, vẫn yêu cầu tháng 7 năm 2020.

3. Bồi thường 02 tháng tiền lương là 42.600.000 đồng theo Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động.

4. Bồi thường vi phạm 30 ngày báo trước là 01 tháng tiền lương: 21.300.000 đồng.

5. Công ty viết thư xin lỗi gửi bằng đường bưu điện và mail do làm ảnh hưởng uy tín của bà căn cứ Khoản 3 Điều 34 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Công ty hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật do Công ty đã lập.

7. Công ty bồi thường về thiệt hại sức khỏe, tinh thần là 29.800.000 đồng (20 lần mức lương cơ sở 1.490.000 đồng) do Công ty gửi mail và 03 biên bản xử lý kỷ luật. Bà A cho rằng sức khỏe, tinh thần bị thiệt hại chứ không có hồ sơ bệnh án của bệnh viện hay bác sĩ nào.

8. Yêu cầu tính lãi từ ngày 08/4/2020 đến nay là ngày 21/9/2020 theo mức 4,72%/năm x 266.557.692 đồng là 4.193.841 đồng.

9. Bà A rút yêu cầu Công ty phải trả tiền công tác phí cho bà số tiền 960.000 đồng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH TT có người đại diện theo ủy quyền là bà Lăng Thanh Kim D trình bày:

Tháng 9, 10 năm 2019, bà Nguyễn Thị A làm việc tại Công ty chức danh Trưởng phòng hành chính nhân sự, khi Liên đoàn lao động quận V đến Công ty kiểm tra, bà A đã có tranh cãi với Liên đoàn lao động, không phổ biến quyền lợi cho nhân viên khi gia nhập công đoàn. Giám đốc Công ty là ông Phan Văn Th có nhắc nhở bà A cần phải khéo léo hơn khi làm việc với các cơ quan nhà nước.

Tháng 11 năm 2019, Công ty có tiệc cuối năm, bà A muốn tự ý quyết định buổi tiệc này. Khi ông Th mời bà A họp cùng với các bộ phận khác, bà A đã không tuân thủ yêu cầu giám đốc, bà A không đến tham gia.

Sau buổi họp đó, giám đốc có làm việc với bà A, do bà A không phù hợp với văn hóa của Công ty và có trao đổi nếu bà A không làm được ở Công ty này thì bà có thể làm đơn xin nghỉ. Kết thúc cuộc trao đổi, bà A thống nhất là ông Th cho bà A nghỉ việc. Sau đó, bà T1 có gửi mail cho nhân viên công ty thông báo bà A nghỉ việc là để các phòng ban khác biết mà phối hợp hoặc xử lý trong công việc, không có gửi cho bà A. Phía Công ty từ trước đến nay chưa ban hành Quyết định cho bà A nghỉ việc. Bà A cho là Công ty thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A là không đúng.

Sau đó, bà T1 có soạn thảo quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A trình lên cho ông Th nhưng ông Th không ký và cần tuyển dụng nhân viên có trình độ pháp lý vào để xem xét trình tự thủ tục giải quyết việc nghỉ việc của bà A cho đúng.

Ngày 01/12/2019, Công ty tuyển dụng được trưởng phòng nhân sự chính mới là bà Lăng Thanh Kim D. Bà D đã có gọi điện cho bà A để thỏa thuận nhưng không đạt được sự thống nhất.

Ngày 27/12/2019, Công ty đã gửi mail cho bà A mời đến Công ty làm việc, Công ty đề nghị bà A quay lại làm việc. Bà A đề nghị phục hồi chức danh, chấm dứt vị trí của nhân viên mới của bà D, đồng thời yêu cầu tổng giám đốc

phải xin lỗi. Hai yêu cầu đầu của bà A Công ty chấp nhận nhưng đối với yêu cầu giám đốc xin lỗi Công ty thấy không phù hợp để đáp ứng. Phương án thứ 02 sẽ bồi thường cho bà A 30 ngày lương và 01 tháng tiền thưởng cuối năm nhưng bà A không đồng ý. Bà A không chấp nhận thiện chí của Công ty.

Sau ngày 27/12/2019, khi hai bên không thỏa thuận được với nhau, Công ty nhận thấy bà A vẫn còn hợp đồng lao động nên yêu cầu bà A quay trở lại làm việc bằng mail. Bà A nhận mail và có trả lời cho Công ty là bà A đã chính thức nghỉ việc từ ngày 28/11/2019.

Sau đó, bà A vẫn không chịu đi làm nên Công ty đã lập các biên bản xử lý kỷ luật lần thứ 1, lần 2, lần 3, có chuyển phát nhanh và gửi mail đến bà A.

Sau 03 biên bản, đủ điều kiện để sa thải bà A nhưng Công ty không xử lý kỷ luật sa thải đối với bà A.

Ngày 02/3/2020, Công ty nhận được đơn khiếu nại bằng đường bưu điện của bà A. Bà A cũng xác nhận ông Th có yêu cầu bà A viết đơn xin nghỉ việc nhưng bà A không đồng ý chứ không phải ông Th chấm dứt hợp đồng lao động với bà A.

Bà A yêu cầu Công ty phải nhận lại người lao động, Công ty đã có yêu cầu bà A trở lại làm việc nhưng bà A không tuân thủ.

Công ty không vi phạm thời gian báo trước vì Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bà A.

Bà A yêu cầu Công ty viết thư xin lỗi nhưng bà A không nói rõ là ảnh hưởng đến uy tín của bà là như thế nào nên Công ty không đồng ý xin lỗi bà A.

Bà A yêu cầu hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật, 03 biên bản này là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Công ty xét thấy không cần thiết phải ra quyết định sa thải đối với bà A nên Công ty không đồng ý hủy bỏ 03 biên bản kỷ luật.

Bà A yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần:

Sau ngày 27/11/2019, bà A tự ý nghỉ không đi làm, công ty vẫn trao đổi qua lại với bà A, bà A vẫn trao đổi bình thường nên việc bà A cho rằng bị ảnh hưởng về sức khỏe, tinh thần là hoàn toàn không có. Công ty yêu cầu bà A phải chứng minh bằng hồ sơ bệnh án hoặc giám định y khoa của bệnh viện hoặc bác sỹ có liên quan.

Đối với yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng, Công ty đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nếu có.

Trên thực tế các tháng 4, 5, 6 của năm 2020 vì tình hình dịch Covid, Công ty đã thông báo cho toàn nhân viên văn phòng nghỉ không lương, có báo qua Bảo hiểm xã hội quận V, do nghỉ không lương nên Công ty không đóng bảo hiểm xã hội trường hợp bà A.

Tháng 11/2020 bà T1 đã tự ý báo giảm bà A, báo giảm từ tháng 12/2020, trong khi người đại diện theo pháp luật Công ty chưa ký hay ban hành Quyết định cho bà A nghỉ việc, việc báo giảm liên quan đến người lao động phải qua

phần mềm, phần mềm này mật mã chỉ bà A và bà T1 trực tiếp quản lý và sử dụng. Đến tháng 12 năm 2020, khi bà D được Công ty nhận vào làm việc, bà D phát hiện việc làm sai của bà T1 nên yêu cầu bà T1 phải điều chỉnh lại cho đúng, đó là làm thủ tục báo tăng đối với trường hợp của bà A, nên Công ty hoàn toàn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A.

Trước đây bị đơn đã có thiện chí thỏa thuận cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nay bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Theo người làm chứng bà Nguyễn Thu Đ trình bày:

Bà vào làm việc tại Công ty TNHH TT từ năm 2013 đến nay, chức vụ là Giám đốc vận hành. Ngày 27/11/2019 vào buổi trưa, bà không nhớ chính xác giờ Công ty có tổ chức cuộc họp với các tất vả các trưởng bộ phận trong đó bà có tham gia, nhưng bà Nguyễn Thị A lúc đó là trưởng phòng nhân sự của Công ty không chịu vào họp, họp để bàn về chăm lo cho công nhân toàn công ty vào dịp tết cuối năm, không phải là họp kín để bàn về việc cho bà Nguyễn Thị A nghỉ việc. Tất cả các trưởng phòng ban đều tập trung họp nhưng riêng bà A thì không chịu vào tham gia họp nên giữa bà A và ông Phan Văn Th là Giám đốc công ty có sự tranh cãi lớn tiếng. Bà không nghe ông Th nói là đuổi việc bà A.

Sang ngày hôm sau là ngày 28/11/2019, bà không thấy bà A đến Công ty làm việc nữa.

Bà Bùi Thị Ngọc T1 lúc đó là nhân viên phòng nhân sự, là cấp dưới của bà A. Ngày 27/11/2019, họp các trưởng phòng ban, không có họp toàn thể nhân viên công ty nên bà T1 không thuộc thành phần dự họp nên bà T1 không biết rõ được việc tranh cãi giữa ông Th và bà A.

Bà T1 trình bày là bà T1 có soạn thảo quyết định nghỉ việc cho bà A với lý do "Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" đưa cho ông Th ký tên, sau đó khoảng ba ngày bà T1 cho rằng bà Diệp đã thu hồi quyết định nghỉ việc từ bà T1 là không đúng, không có việc này. Bà không có thu hồi quyết định nghỉ việc nào từ bà T1. Nếu bà T1 cho rằng khoảng ba ngày sau khi ông Th ký, bà Diệp mới thu hồi thì tại sao bà T1 không có bản chụp nào, bản photo nào để cung cấp cho Tòa vì Công ty đã giao toàn bộ chìa khóa tủ hồ sơ cho bà A và bà T1 quản lý.

Người làm chứng bà Bùi Thị Ngọc T1 trình bày:

Bà vào làm việc tại Công ty TT từ ngày 01/3/2019 đến ngày 30/12/2019. Ngày 27/11/2019, bà có chứng kiến ông Th bước vào văn phòng và trao đổi với bà A về một cuộc họp, sau đó thì ông Th có la lớn "An, em làm được thì làm, còn không làm được thì nghỉ". Sau đó, ông Th bỏ đi, đến đầu giờ chiều cùng ngày, giữa ông Th, bà A và một số nhân viên công ty có một cuộc họp kín. Sau cuộc họp, ông Th có gọi bà vào và yêu cầu bà nhận bàn giao công việc từ bà A bao gồm thẻ xe, máy móc và toàn bộ công việc mà bà A đang làm, ông Th thông báo cho bà biết bà A sẽ chính thức nghỉ việc từ ngày 28/11/2019. Theo lệnh của ông Th bà đã thực hiện nhận bàn giao từ bà A. Chiều ngày 27/11/2019, được sự

đồng ý của ông Th bà đã viết email thông báo cho toàn thể nhân viên Công ty biết bà A đã nghỉ việc và bàn giao công việc cho bà kể từ ngày 28/11/2019.

Bà có tư vấn cho ông Th biết việc cho bà A nghỉ việc là không đúng, nhưng ông Th vẫn yêu cầu bà hoàn tất thủ tục nghỉ việc đối với bà A và báo giảm lao động. Bà đã soạn thảo quyết định nghỉ việc cho bà A với lý do "Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", ông Th đã xem qua và đồng ý ký, giao lại cho bà. Bà đã làm thủ tục báo giảm bảo hiểm đối với bà A. Tuy nhiên, do chưa chốt sổ bảo hiểm cho bà A nên bà chưa giao quyết định nghỉ việc cho bà A. Khoảng 03 ngày sau, bà Điệp (vợ giám đốc Thành đồng thời là trưởng ban kiểm sát nội bộ của Công ty) đã thu hồi quyết định nghỉ việc từ bà, bà Đ nói với bà, sẽ tự xử lý với bà A về trường hợp nghỉ việc này và tự giao quyết định nghỉ việc này cho bà A.

Khi bà Đ lấy lại quyết định có yêu cầu bà thông báo cho bà A biết bà A sẽ được nhận 01 tháng tiền thưởng tết và 01 phần quà tết nếu bà A đồng ý viết đơn nghỉ việc, bà đã thông báo cho bà A nhưng bà A không đồng ý.

Ngày 27/11/2019, bà Đ có yêu cầu bà chốt sổ bảo hiểm cho bà A nhưng do Công ty chưa đóng tiền bảo hiểm tháng 11 nên bà đã không làm hồ sơ chốt sổ được.

Sau khi bà A nghỉ, bà nhận thấy bà không thể đảm nhiệm hết công việc của bà A, nên ông Th có yêu cầu bà làm thủ tục tuyển chọn nhân viên mới thay thế công việc của bà A. Đến ngày 16/12/2019, bà D là nhân sự mới chính thức vào làm việc tại Công ty, bà D đảm nhiệm chức vụ trưởng phòng hành chính nhân sự thay thế công việc của bà A. Bà D có đề nghị bà báo tăng bảo hiểm xã hội lại cho bà A và bà đã thực hiện báo tăng theo yêu cầu của bà D. Đến ngày 30/12/2019, bà xin nghỉ việc tại Công ty TT. Sự việc diễn ra tiếp theo bà hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Lê Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Công ty TT đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà A từ ngày 28/11/2019. Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012, yêu cầu Công ty phải trả cho bà A:

1/ Tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/7/2020 (tính tròn 08 tháng không yêu cầu ba ngày lẻ); tiền BHXH, BHYT từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2020, theo mức lương 21.300.000đồng/tháng là 21.300.000đồng x 08 + 21% x 17.000.000đồng x 04 = 184.680.000đồng.

2/ Hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 21.300.000đồng x 02 = 42.600.000đồng.

3/ Tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày (01 tháng) là 21.300.000đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/11/2022 là 11.720.595đồng.

Tổng cộng là 257.580.595đồng.

4/ Công ty phải viết thư điện tử xin lỗi và gửi thư xin lỗi qua đường bưu điện do thông tin sai lệch là bà A tự ý nghỉ việc làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của bà A.

5/ Công ty phải hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật do công ty ban hành thông tin sai lệch làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của bà A.

6/ Rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu tiền công tác phí 960.000đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe, tinh thần là 29.800.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH TT, Luật sư Nguyễn Quốc A1 trình bày:

Công ty không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn vì Công ty không có quyết định nào gửi cho nguyên đơn thể hiện Công ty đuổi việc bà A vì vậy nguyên đơn cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng hoàn toàn không có căn cứ.

Tại đoạn đầu ghi âm ông Th có khẳng định như sau: *"... anh không đuổi",* trong đoạn nói chuyện này ông Th không có ý muốn cũng như không có đuổi việc bà A.

Việc ghi âm do bà A chủ động ghi âm, không cho ông Th biết. Việc nói chuyện trên trong đoạn ghi âm của hai cá nhân đều với tư cách là cá nhân không phải với tư cách giám đốc công ty và trưởng phòng nhân sự, các bên mong muốn sự tôn trọng nhau, trao đổi về cách làm việc.

Đặt trường hợp nếu ông Th cho bà A nghỉ việc trái pháp luật thì cũng không có xác định thời gian nào cho bà A nghỉ, bà A đã tự đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bà A đã chủ động ghi âm, gợi ý để ông Th đuổi việc, mà ông Th đã nói rõ *"anh không đuổi em"*, đã thể hiện ý chí của ông Th không đuổi việc bà A.

Đoạn cuối bà A nói *"anh cho em nghỉ việc"*, thể hiện bà A xin ý kiến của ông Th cho bà A nghỉ việc, điều này không thể nói ông Th đuổi việc bà A. Bà A là người đưa ra quan điểm thì Công ty mới có quyền đồng ý hoặc không và Công ty đồng ý cho bà A nghỉ việc, cả đoạn ghi âm không chỗ nào ông Th nói đuổi việc bà A. Điều này phù hợp với các chứng cứ khác, thông báo mail cho nhân viên công ty để trao đổi công việc với nhân sự khác chứ không có gửi mail cho A để thông báo việc A nghỉ việc.

Người làm chứng bà T1 khai vào chiều ngày 27/11/2019, bà A bàn giao xong về luôn, bà A tự nghỉ không ai đuổi. Người có thẩm quyền chưa ký quyết định nào đuổi việc bà A. Bà T1 khai có quyết định nhưng không có bằng chứng nào chứng minh. Lời khai của bà T1 tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay khác nhau nên không là chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Công ty không có yêu cầu phản tố, bà A tự ý nghỉ việc, Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH TT bà Lăng Thanh Kim D trình bày:

Công ty có yêu cầu bà A trở lại làm việc theo đúng hợp đồng lao động nhưng do bà A không đồng ý tiếp tục làm việc. Vì bà A có đưa ra yêu cầu ông Th giám đốc phải xin lỗi bà, ông Th không đồng ý yêu cầu này nên bà A không quay lại làm việc. Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A, Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà A. Số tiền Công ty đã đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho bà A từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, Công ty tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tháng 4 đến tháng 7 năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid, Công ty cho nhân viên tạm nghỉ không lương nên không đóng bảo hiểm xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ đoạn ghi âm bà A cung cấp, thể hiện ông Th gợi ý nếu bà A cảm thấy không phù hợp với công việc thì có thể xin nghỉ việc và bàn giao lại công việc cho người khác, không thể hiện nội dung Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A. Trên thực tế, công ty cũng không ban hành thông báo nghỉ việc trực tiếp nào tới bà A nhưng bà A đã tự ý bỏ việc không có lý do chính đáng từ ngày 28/11/2019. Từ tháng 12/2019 đến tháng 03/2020 mặc dù bà A không đến Công ty làm việc nhưng Công ty vẫn đóng bảo hiểm xã hội cho bà A đầy đủ, đúng quy định tại Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Qua các email trao đổi và lời khai của các đương sự thể hiện Công ty nhiều lần yêu cầu bà A quay trở lại làm việc và hai bên đã thỏa thuận nhiều lần nhưng không thống nhất được các điều kiện do bà A đưa ra nên bà A không tiếp tục công việc. Từ các phân tích trên cho thấy bà A và Công ty TT đã thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 28/11/2019, thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó xác định Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà A nên không làm phát sinh nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn.

Do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TT đối với số tiền công tác phí 960.000 đồng nên căn cứ Điều 244 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Tại phiên tòa ông Chiến rút yêu cầu bồi thường về thiệt hại sức khỏe, tinh thần số tiền là 29.800.000 đồng, trong nội dung ủy quyền không thể hiện ông Chiến được thay mặt bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử bác phần yêu cầu này.

Tại bản án lao động sơ thẩm B/202/LĐ-ST, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, điểm a Khoản 1 Điều 32, Khoản 6 Điều 26, điểm c Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, 3 Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Khoản 3 Điều 36, Điều 47 và Khoản 2 Điều 200 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 34, Điều 584, Điều 590 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH TT đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

1.2. Không chấp nhận các yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải thanh toán số tiền:

Tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/7/2020; tiền BHXH, BHYT từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2020 là 184.680.000 (một trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn) đồng.

Hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 42.600.000 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

Tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày (một tháng) là 21.300.000 (hai mươi mốt triệu, ba trăm ngàn) đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/11/2022 là 11.720.595 (mười một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Tổng cộng là 257.580.595 (hai trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải viết thư điện tử xin lỗi và gửi thư xin lỗi qua đường bưu điện cho bà A.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật.

1.5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc Công ty TNHH TT trả tiền công tác phí 960.000 (chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

1.6. Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 29.800.000 (hai mươi chín triệu tám trăm ngàn) đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH TT không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị A được miễn nộp án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Sau khi xét xử sơ thẩm vào ngày 22/02/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo nêu rằng: Hội đồng xét xử sơ thẩm xử chưa thỏa đáng, chưa đánh giá đúng bản chất của vấn đề có tranh chấp. Đề nghị được xem xét lại toàn bộ vụ án để bảo đảm sự khách quan, công bằng của pháp luật.

Căn cứ theo văn bản ủy quyền do nguyên đơn nộp tại Tòa án, ông Lê Văn C, địa chỉ số 416/13B Q, phường 05, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020) thì ông Lê Văn C được quyền thay mặt đương sự (nguyên đơn) tham gia tố tụng tại Tòa án cho đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (trang thứ nhất của Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Sơn, số 77 Song Hành, Khu phố 5, phường An Phú, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh) (bút lục 147-148).

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 05/5/2023:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn C, sinh năm 1972 được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng sau khi nộp lại giấy triệu tập, đương sự không tham dự phiên tòa và vắng mặt không rõ lý do. Đây là lần triệu tập thứ ba, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được giao nộp và thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi nghe trình bày của đại diện bị đơn và phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử xét thấy:

I/ Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị A được làm trong thời hạn luật định, do đương sự trực tiếp thực hiện là hợp lệ, sau khi nộp đơn kháng cáo, theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền, bà A đã xuất cảnh và hiện đang ở nước ngoài. Căn cứ theo giấy ủy quyền do bà Nguyễn Thị A nộp ngày 25/9/2020 thì phạm vi ủy quyền bà A đồng ý để ông Lê Văn C tham gia tố tụng tại Tòa án hai cấp với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không trực tiếp tham gia giải quyết những vấn đề liên quan đến việc khởi kiện và kháng cáo. Vì lý do trên, sự vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong việc giải quyết phúc thẩm của vụ án không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi của đương sự khi giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành phiên xử vắng mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn với lý do đã triệu tập hợp lệ nhưng đều không tham dự phiên tòa.

II/ Về nội dung giải quyết vụ án:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị A:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà A làm việc tại Công ty TNHH TT (gọi tắt là Công ty TT) theo bản hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 31/3/2019 đến ngày 31/7/2020. Chức danh chuyên môn của bà A theo hợp đồng là Trưởng phòng nhân sự. Tổng thu nhập theo hợp đồng trước thuế là 20.000.000 đồng/tháng; mức lương cơ bản được nhận là 13.170.000 đồng/tháng cùng các khoản phụ cấp kèm theo.

Trong quá trình làm việc theo hợp đồng, do có những tranh luận không cùng quan điểm giữa bà A và ông Phan Văn Thanh là người đại diện theo pháp luật của Công ty nên đã phát sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của bà A trong các bản khai thì vào ngày 29/11/2019, ông Phan Văn Th đã yêu cầu bà A phải bàn giao công việc đang đảm trách cùng công cụ làm việc theo thông báo đã được truyền tải trên email của đơn vị để chấm dứt việc làm tại Công ty TT. Khi nhận được thông tin trên, bà A đã tự ý không đến Công ty làm việc từ ngày 28/11/2019. Đến ngày 27/12/2019, bà A trở lại Công ty thăm dò tình hình thì gặp người đại diện của Công ty TT là bà Lăng Thanh Kim D. Hai bên có trao đổi với nhau về việc làm nhưng không thống nhất được với nhau về phương án thỏa thuận khi bà A chấm dứt công việc tại đây.

Vì lẽ đó, đến ngày 28/4/2020, bà Nguyễn Thị A khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp lao động.

Giải quyết vụ việc tranh chấp tại giai đoạn sơ thẩm, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ của vụ việc tranh chấp đã được Tòa sơ thẩm giao nhận và thu nộp, tại bản án sơ thẩm lao động B/2022/LĐ-ST, ngày 09/11/2022, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở xem xét, đánh giá chứng cứ của vụ án đã tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc đòi Công ty TNHH TT phải bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật,

đồng thời phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 29.800.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải hủy 03 quyết định xử lý kỷ luật lao động và yêu cầu Công ty TT phải viết thư điện tử xin lỗi và gửi thư điện tử xin lỗi qua đường bưu điện.

Không đồng ý với quyết định trên, bà A kháng cáo toàn bộ bản án lao động của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngoài việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp bổ sung một số tài liệu chứng từ có liên quan đến vấn đề trả lương trong thời gian bà A tham gia làm việc tại Công ty; Biên bản giải trình liên quan đến thời gian làm việc của bà Nguyễn Thị A từ tháng 12/2019 đến tháng 11/2020 tại Công ty Cổ phần Skylar.

Phía nguyên đơn không cung cấp bổ sung hợp lệ giấy tờ có liên quan đến nội dung ủy quyền để giải quyết những vấn đề có liên quan đến tranh chấp. Vì thế, vụ án vẫn được giải quyết theo thủ tục chung.

Với các tài liệu cùng chứng cứ có liên quan trong vụ án đã được giao nộp và thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy khi giải quyết sơ thẩm vụ án, Tòa án nhân dân quận V đã có xem xét đến nguyên do phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ công việc giữa các bên cùng thái độ của từng bên khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Việc giải quyết tranh chấp như đã được cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, vì thế kháng cáo của nguyên đơn cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, không bảo đảm quyền lợi của người lao động là không chính xác, không phù hợp với diễn biến của sự việc có tranh chấp, vì thế không có căn cứ pháp lý để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên quyết định của bản án như trình bày quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp. Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 301, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm B/2022/LĐ-ST, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH TT đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Không chấp nhận các yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải thanh toán số tiền:

Tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/7/2020; tiền BHXH, BHYT từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2020 là 184.680.000 (một trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn) đồng.

Hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 42.600.000 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

Tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày (một tháng) là 21.300.000 (hai mươi mốt triệu, ba trăm ngàn) đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/11/2022 là 11.720.595 (mười một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Tổng cộng là 257.580.595 (hai trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải viết thư điện tử xin lỗi và gửi thư xin lỗi qua đường bưu điện cho bà A.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc Công ty TNHH TT trả tiền công tác phí 960.000 (chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 29.800.000 (hai mươi chín triệu tám trăm ngàn) đồng.

2/ Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị A được miễn nộp án phí.

Công ty TNHH TT không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận V;
- Cục Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận V;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs. 20b

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƯỜNG Z XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay hồi 10 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 5 năm 2023.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Giang
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Quỳnh Anh
Bà Nguyễn Thị Thoa.

Đã tiến hành nghị án, vụ án Lao động phúc thẩm thụ lý số 08/2023/TLPT-LĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về: "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần".

Do bản án lao động sơ thẩm B/2022/LĐ-ST, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân quận V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 533/2023/QĐ-PT, ngày 24/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3045/2023/QĐ-PT, ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 3765/2023/QĐ-PT, ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A. Sinh năm 1992.
Địa chỉ: CT1-1118 Chung cư S, phường H, Quận O (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C. Sinh năm 1972.
Địa chỉ: 416/13B đường Q, phường 05, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 2531.GUQ, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/9/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Sơn). (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH TT.
Địa chỉ trụ sở chính: 10/21 Đường B, phường 05, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số doanh nghiệp: 0303582389
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Th. Sinh năm 1975.
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc.
Địa chỉ: 12 Đường Z, phường 04, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lăng Thanh Kim D. Sinh năm 1988.
Địa chỉ: 575B Đường X, phường P, Thành phố Thủ Đức (Quận O cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số: UQ/HCNS/01-2023, ngày 17/3/2023 lập tại Công ty TNHH TT). (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Nguyễn Thu Đ. Sinh năm 1977.
Địa chỉ: 72-74, Lốc A1, đường Nguyễn Cơ T, phường G, Quận I (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3.2 Bà Bùi Thị Ngọc T1. Sinh năm 1995.
Địa chỉ: 40 Đường B1, phường B1, Quận I (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A.

Sau khi thảo luận, nghị án. Hội đồng xét xử thống nhất nội dung sau:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 301, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm B/2022/LĐ-ST, ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH TT đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Không chấp nhận các yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải thanh toán số tiền:

Tiền lương trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/7/2020; tiền BHXH, BHYT từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2020 là 184.680.000 (một trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn) đồng.

Hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 42.600.000 (bốn mươi hai triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

Tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày (một tháng) là 21.300.000 (hai mươi mốt triệu, ba trăm ngàn) đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 09/4/2020 đến ngày 09/11/2022 là 11.720.595 (mười một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Tổng cộng là 257.580.595 (hai trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi ngàn, năm trăm chín mươi lăm) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải viết thư điện tử xin lỗi và gửi thư xin lỗi qua đường bưu điện cho bà A.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT phải hủy bỏ 03 biên bản xử lý kỷ luật.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc Công ty TNHH TT trả tiền công tác phí 960.000 (chín trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Công ty TNHH TT bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần bị xâm phạm là 29.800.000 (hai mươi chín triệu tám trăm ngàn) đồng.

2/ Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị A được miễn nộp án phí.

Công ty TNHH TT không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.
Biên bản kết thúc hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày.
Mọi người đọc biên bản nhất trí và ký tên. Biểu quyết 3/3 =100%.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang